TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 267/2018/HC-PT
Ngày 26 - 7 - 2018
V/v khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Vân;

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Công Lý;

Ông Lê Thành Văn.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Tiếu Phương Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Hữu Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 231/2018/TLPT-HC ngày 25 tháng 5 năm 2018 về việc khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2018/HC-ST ngày 18 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 863/2018/QĐ-PT ngày 02 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Võ Văn M, sinh năm 1958 (có mặt)

Địa chỉ: Số 423 khu phố P1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: A21 khu Á Châu, đường P2, Phường 2, thành phố Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Lê Biên P - thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt)

- *Người bị kiện:*

1. Ủy ban nhân dân huyện Đ và Chủ tịch UBND huyện Đ

Cùng địa chỉ: Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi hợp pháp: Ông Trần Ngọc H - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ (có mặt).

2. Ủy ban nhân dân thị trấn Đ và Chủ tịch UBND thị trấn Đ

Cùng địa chỉ: Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Hoa S - Phó Chủ tịch UBND thị trấn Đ (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trương Thành T2 - Công chức Địa chính - Xây dựng thị trấn Đ (có mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1951 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố P1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- *Người kháng cáo:* người khởi kiện – ông Võ Văn M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 29/8/2008, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số AH 306198 cho bà Huỳnh Thị T. Ngày 26/11/2008 bà T có đơn xin cấp đổi GCNQSDĐ để bổ sung thêm diện tích 105,4m^2 đất thửa số 60, tờ bản đồ số 82 vào GCNQSDĐ số AH 306198.

Ngày 31/3/2009, UBND huyện Đ có Quyết định số 923/QĐ.UBND (*Quyết định số 923*) về việc điều chỉnh diện tích 105,4m^2 từ loại đất giao thông sang đất sản xuất nông nghiệp do bà T sử dụng.

Ngày 04/5/2009 UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 1186/QĐ-UBND thu hồi GCNQSDĐ AH 306198.

Ngày 05/5/2009 UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ số AN 412979 với tổng diện tích đất của bà T là 1433,6m^2.

Ông Võ Văn M không đồng ý hành vi cấp GCNQSDĐ của UBND huyện Đ về việc cấp GCNQSDĐ số AN 412979 cho bà T nên khiếu nại. Ngày 09/6/2015 UBND huyện Đ ban hành Thông báo số 227/TB-UBND về việc khiếu nại không đủ điều kiện thụ lý, ông M tiếp tục khiếu nại.

Ngày 07/12/2015 Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 2358/QĐ-UBND (*Quyết định 2358*) giải quyết khiếu nại lần đầu có nội dung: Chấp nhận khiêu nại của ông M, thu hồi Thông báo số 227/TB-UBND ngày 09/6/2015 của UBND huyện Đ và giao cho Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ tham mưu UBND huyện thu hồi GCNQSDĐ số AN 412979.

Ngày 20/5/2016 UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 708/QĐ-UBND về việc hủy GCNQSDĐ số AN 412979.

Ngày 08/6/2016, ông M có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp phá dỡ trụ rào cổng do gia đình bà T đã xây dựng trên phần diện tích 105,4m^2 thuộc đường giao thông nông thôn.

Ngày 12/10/2016 UBND thị trấn Đ có Công văn số 347/UBND-VP trả lời ông M (*Công văn số 347*), không đồng ý ông M tiếp tục khiếu nại.

Ngày 16/3/2017, Chủ tịch UBND thị trấn Đ ban hành Quyết định số 45/QĐ-UBND (*Quyết định số 45*) về việc giải quyết khiếu nại của ông M có nội dung bác đơn khiếu nại. Ông M khiếu nại, ngày 03/7/2017 UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 1265/QĐ-UBND (*Quyết định số 1265*) có nội dung bác đơn khiếu nại của ông M.

Ngày 22/3/2017 ông M khiếu nại Quyết định số 923. Ngày 13/6/2017, Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định 1071/QĐ–UBND (*Quyết định 1071*) có nội dung bác đơn khiếu nại của ông M.

Ngày 25/12/2017 ông M khởi kiện ra Tòa án yêu cầu hủy Quyết định số 1265, Quyết định số 45, Công văn số 347. Tại phiên đối thoại ngày 01/2/2018 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 02/02/2018 ông M yêu cầu hủy Quyết định số 923 và Quyết định 1071.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án người khởi kiện trình bày:

Nguồn gốc 105,4m^2 đất thửa số 60, tờ bản đồ số 82 tọa lạc tại ấp P1 là đường giao thông đã có từ xa xưa, ông M không biết hình thành từ khi nào, gia đình ông M sử dụng liên tục con đường này để vô mảnh đất phái sau của gia đình ông M, hai bên con đường có hàng ranh bằng hai hàng cây Duối. Đất của gia đình ông M có 30m tiếp giáp với đường giao thông này, nếu không có đường giao thông này thì gia đình ông M không có đường vào khu đất phía sau. Vị trí đất tranh chấp có tứ cận như sau:

+ Phía Bắc giáp bức tường rào nhà ông Võ Văn M;

+ Phía Nam giáp hàng rào bằng cây Duối của gia đình bà T;

+ Phía tây giáp đất của bà A bỏ hoang;

+ Phía đông giáp đường liên thôn;

Theo bản đồ địa chính năm 2007 đến năm 2014 thì đất trên thuộc đường giao thông. Bà T cho rằng đất có nguồn gốc là do ông bà để lại là không đúng vì 105,4m^2 đất được xác nhận trong đơn xin cấp GCNQSDĐ ngày 28/12/2007 của bà T tại thị trấn Đ, được cơ quan nhà nước xác nhận là đường giao thông. Tại đơn xin cấp đổi ngày 26/11/2008 của bà T, không có bà Nguyễn Thị L (vợ ông M) ký vào, chỉ có 03 người là người cùng họ với bà T ký, họ là người không liên quan trực tiếp, không đi trên đất này

Theo phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 03/12/2007 về việc xác minh nguồn gốc đất của gia đình bà T thì 105,4m^2 không nằm trong diện tích đất do cha của bà T là ông Huỳnh Văn H1 để lại.

Theo báo cáo số 01/BC-TT ngày 06/01/2015 của Thanh tra Huyện và báo cáo số 167 ngày 19/7/2013 của Phòng Tài nguyên đã khẳng định nguồn gốc do cha bà T để lại thửa số 60 có diện 1.328,2m^2.

Quyết định 2358/QĐ-UBND ngày 07/12/2015 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông M đã công nhận diện tích đất này là đường giao thông.

Bà T cho rằng gia đình bà T và gia đình ông M chung tiền để xây tường rào là không đúng, vì ở giữa đường giao thông có phân ranh đất của ông M và đất của bà T là 02 hàng cây Duối đã có từ xa xưa.

Do đó ông Võ Văn M yêu cầu hủy Quyết định số 1265 và Quyết định 1071 của Chủ tịch UBND huyện Đ. Quyết định số 45 của Chủ tịch UBND thị trấn Đ. Công văn số 347 của UBND thị trấn Đ và Quyết định số 923 của UBND huyện Đ.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án người bị kiện Chủ tịch UBND huyện Đ và UBND huyện Đ trình bày:

Về trình tự ban hành Quyết định số 1265, Quyết định số 923, Quyết định 1071 là đúng thủ tục, trình tự và thẩm quyền theo quy định luật khiếu nại năm 2011, Luật Đất đai năm 2013.

Về nội dung:

Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất đối với diện tích 105,4m^2 như sau:

Theo bản đồ địa chính đo đạc năm 1995: Ranh giới giữa thửa đất của gia đình bà T sử dụng (thửa đất số 118, tờ bản đồ số 33, xã Phước Long Thọ) với thửa đất của gia đình ông M sử dụng (thửa đất số 115, tờ bản đồ số 33, xã Phước Long Thọ) không thể hiện con đường đi.

Theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2006, được Sở Tài nguyên và Môi trường ký duyệt ngày 13/6/2007: Ranh giới giữa thửa đất của gia đình bà T sử dụng (thửa đất số 60, tờ bản đồ số 82) với thửa đất của gia đình ông M sử dụng (thửa đất số 47, tờ bản đồ số 82) thể hiện con đường đi. Theo sơ đồ vị trí do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất (nay là Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai) đo đạc ngày 21/11/2008 thì đường đi có diện tích 105,4m^2.

Theo kết quả xác minh từ các hộ dân sống lân cận gia đình bà T và ông M, cho biết: Diện tích 105,4m^2 có nguồn gốc của gia đình bà T tự mở lối đi từ trước giải phóng, cho bà con sống trong khu vực sử dụng để đi gánh nước từ giếng bà Mụ. Sau khi nhà máy nước xây dựng thì không còn hộ dân nào đi qua phần đất này nữa và bà T sử dụng cho đến nay.

Từ kết quả kiểm tra hồ sơ địa chính lưu trữ và xác minh thực tế thì Nhà nước không vận động gia đình bà T hiến đất cho Nhà nước và Nhà nước cũng không thu hồi đất để làm đường giao thông. Ngày 31/3/2009, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 923 điều chỉnh 105,4m^2 đất từ loại đất giao thông sang đất sản xuất nông nghiệp do bà T sử dụng. Lý do điều chỉnh: Trong quá trình đo đạc, thành lập hồ sơ địa chính có sai sót.

Quá trình giải quyết khiếu nại của ông M như phần nội dung vụ án

Hiện nay diện tích 105,4m^2 thửa số 60, tờ bản đồ số 82 chưa được cấp GCNQSDĐ cho bà T.

Do đó đề nghị Tòa án giữ nguyên Quyết định số 1265, Quyết định số 923 và Quyết định 1071, bác toàn bộ khởi kiện của ông M.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án người bị kiện Chủ tịch UBND thị trấn Đ và UBND thị trấn Đ trình bày:

Trình tự ban hành Quyết định số 45, Công văn số 347 là đúng thủ tục, trình tự và thẩm quyền theo quy định luật khiếu nại năm 2011, Luật Đất đai năm 2013.

Về nội dung:

Diện tích 105,4m^2 thửa số 60, tờ bản đồ số 82 tọa lạc tại ấp P1 có nguồn gốc đất của gia đình bà T sử dụng từ lâu đời theo các biên bản xác minh, lấy lời khai của người sống gần nhà bà T.

Theo bản đồ năm 1995 ranh giới giữa thửa đất cảu gia đình bà T sử dụng (thửa số 118 tờ bản đồ số 33) và thửa đất của gia đình ông M sử dụng (thửa số 115, tờ bản đồ số 33) không thể hiện con đường đi. Do đó hồ sơ cấp giấy chứng nhận phần 105,4m^2 đất của bà T là đủ điều kiện, nên UBND thị trấn Đ đã tiến

hành niêm yết. Trong quá trình niêm yết công khai nói trên ông M khiếu nại. Quá trình giải quyết khiếu nại UBND thị trấn Đ đã giải quyết đúng quy định của pháp luật.

Từ cơ sở trên Chủ tịch UBND thị trấn Đ và UBND thị trấn Đ giữ nguyên nội dung Quyết định số 45 và Công văn số 347, đề nghị Tòa án bác yêu cầu của người khởi kiện.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị T trình bày:

Nguồn gốc 105,4m^2 đất thửa số 60, tờ bản đồ số 82 tọa lạc tại ấp P1 do ông, bà tổ tiên để lại cho bà T toàn bộ thửa số 60 diện tích 1.433,6m^2 trong đó có 105,4m^2, trước năm 1975 gia đình bà T sử dụng làm sân phơi bằng đất, đến mùa nắng thì có gia đình bà Nguyễn Thị N1 và Nguyễn Thị C đi qua sân nhà bà T để đến "giếng bà Mụ" gánh nước, thời điểm này gia đình ông M không đi qua sân nhà bà T để gánh nước. Năm 2000 khi có nước máy thì họ không đi gánh nước. Năm 2000 bà T đã lát nền xi măng.

Đất tranh chấp 105,4m^2 giáp ranh đất của ông M được ngăn cách bằng hàng rào cây Duối, năm 2012 bà T thỏa thuận với ông M xây hàng rào bằng gạch táp lô, bà T đã đưa cho ông M 9 triệu đồng sau đó cả hai gia đình cùng nhau xây (việc này các bên chỉ thỏa thuận bằng miệng).

Theo bản đồ địa chính trước năm 1995 đất tranh chấp không có con đường, sau đó gia đình bà T có máy cày nên gia đình bà T chừa lối đi rộng để máy cày và đi lại nhiều lần nên nó hình thành đường mòn, khi lập bản đồ địa chính năm 2006 thể hiện con đường đi, nhưng bà T đã có văn bản xin UBND huyện Đ điều chỉnh 105,4m^2 không phải là đất giao thông.

Bà T sử dụng đất do tổ tiên để lại liên tục, có kê khai đăng ký và đóng thuế cho Nhà nước và được cấp GCNQSDĐ và năm 2008. Khi làm hồ sơ cấp GCNQSDĐ do gia đình bà T không biết diện tích ông bà để lại là bao nhiêu, khi nhận được GCNQSDĐ AH 306198 thì không có 105,4m^2 nên gia đình bà T đã yêu cầu điều chỉnh và bổ sung 105,4m^2 đất có vợ ông M là bà Nguyễn Thị L ký vào biên bản, ông M biết và không có khiếu nại gì. Ông M cho rằng 105,4m^2 đất đường giao thông là không đúng, vì đó là ngõ cụt không ai đi qua đất đó để ra đường.

Do đó đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông M.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2018/HC-ST ngày 18 tháng 4 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã quyết định như sau:

Không chấp nhận khởi kiện của ông Võ Văn M yêu cầu hủy các quyết định sau: Quyết định số 1265/QĐ-UBND ngày 03/7/2017 và Quyết định 1071/QĐ–UBND ngày 13/6/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ; Quyết định số 923/QĐ-UBND ngày 31/3/2009 của Ủy ban nhân dân huyện Đ. Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, Công văn số 347/UBND-VP ngày 12/10/2016 của Ủy ban nhân dân thị trấn Đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28 tháng 4 năm 2018, ông Võ Văn M kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án hành chính sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn M yêu cầu hủy các quyết định sau: Quyết định số 1265/QĐ-UBND ngày 03/7/2017 và Quyết định 1071/QĐ–UBND ngày 13/6/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ; Quyết định số 923/QĐ-UBND ngày 31/3/2009 của Ủy ban nhân dân huyện Đ. Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, Công văn số 347/UBND-VP ngày 12/10/2016 của Ủy ban nhân dân thị trấn Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo theo đơn kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đề nghị sửa bản án hành chính sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn M.

Người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng, việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử công khai, đúng trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung, sau khi trình bày nội dung vụ án, đánh giá các chứng cứ, tài liệu, qua lời trình bày của các đương sự tham gia phiên tòa phúc thẩm, đồng thời không có chứng cứ gì mới. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện - ông Võ Văn M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện - ông Võ Văn M nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Võ Văn M khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1265/QĐ-UBND ngày 03/7/2017 của Chủ tịch UBND huyện Đ; Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 của Chủ tịch UBND thị trấn Đ; Công văn số 347/UBND-VP ngày 12/10/2016 của UBND thị trấn Đ, Quyết định số 923/QĐ-UBND ngày 31/3/2009 của UBND huyện Đ và Quyết định 1071/QĐ–UBND ngày 13/6/2017 của Chủ tịch UBND huyện Đ - là các văn bản, quyết định giải quyết việc cấp GCNQSDĐ cho bà Huỳnh Thị T vì ông M cho rằng ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của ông M có đất liền kề được sử dụng làm đường đi.

[2.2] Theo bản đồ địa chính đo đạc năm 1995 thì ranh giới giữa khu đất của gia đình bà Huỳnh Thị T thửa đất số 118, với khu đất của gia đình ông M thửa đất số 115, theo lời khai của bà T phù hợp với các lời khai của những người sống gần nhà bà T thì gia đình bà T có máy cày nên chừa phần diện tích lớn để máy cày; đồng thời để người dân đi nhờ gánh nước. Sau khi nhà máy nước xây dựng thì không còn hộ dân nào đi qua phần đất này nữa và bà T sử dụng cho đến nay.

[2.3] Từ kết quả kiểm tra hồ sơ địa chính lưu trữ và xác minh thực tế thì Nhà nước không vận động gia đình bà T hiến đất cho Nhà nước và Nhà nước cũng không thu hồi đất để làm đường giao thông. Ngày 31/3/2009, UBND huyện Đ ban hành 923/QĐ-UBND ngày 31/3/2009 của UBND huyện Đ điều chỉnh 105,4m^2 đất từ loại đất giao thông sang đất sản xuất nông nghiệp do bà T sử dụng. Lý do điều chỉnh: Trong quá trình đo đạc, thành lập hồ sơ địa chính có sai sót. Do đó bản đồ địa chính đo đạc năm 2006 thể hiện con đường đi 105,4m^2 là không chính xác. Sự việc đã được các cơ quan có thẩm quyền xác minh và làm các thủ tục đúng pháp luật. Như vậy diện tích 105,4m^2 không phải là đất

đường giao thông công cộng, vì trong quá trình gia đình bà T sử dụng làm chỗ để máy cày và bà con đi nhờ gánh nước mà có.

[2.4] Ông Võ Văn M kháng cáo nhưng không có chứng cứ mới nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn M; giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Án phí Hành chính phúc thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ông Võ Văn M không phải nộp án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Áp dụng: Điều 42 và 73 Luật đất đai năm 1993; Điều 66 Luật đất đai năm 2013. Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ Văn M và giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

Không chấp nhận khởi kiện của ông Võ Văn M yêu cầu hủy các quyết định sau: Quyết định số 1265/QĐ-UBND ngày 03/7/2017 và Quyết định 1071/QĐ–UBND ngày 13/6/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ; Quyết định số 923/QĐ-UBND ngày 31/3/2009 của Ủy ban nhân dân huyện Đ. Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, Công văn số 347/UBND-VP ngày 12/10/2016 của Ủy ban nhân dân thị trấn Đ.

Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Võ Văn M không phải nộp

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Võ Văn M không phải nộp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Công Lý **Lê Thành Văn** **Trần Thị Huyền Vân**